LẠM PHÁT 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2011: VẤN ĐỀ NỔI CỘM, CĂN NGUYÊN VÀ ĐỐI PHÓ

TS. Nguyễn Đại Lai
NHNN Việt Nam

Vấn đề lạm phát đang thách thức không chỉ khả năng giảm lãi suất, mà còn thách thức cả nguy cơ mất phương hướng đầu tư hiệu quả của nền kinh tế. Việc nhận dạng, chỉ đúng thực trạng những vấn đề nổi cộm của lạm phát, nguyên nhân đến từ đâu và giải bài toán về chống lạm phát kết hợp với phát triển sản xuất... là những vấn đề vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính chiến lược không thể "dục tốc", nhưng cũng không thể ngồi chờ thời cơ được. Bài viết này cố gắng tham gia vào bàn thảo ba vấn đề nan giải nói trên.

Vấn đề lạm phát đang nổi cộm

Hình ảnh lạm phát của 6 tháng đầu năm 2008 đã trở lại trong những tháng đầu năm 2011 này. Để cảm nhận được tính chất nổi cộm của lạm phát, cũng cần nhìn lại lịch sử gần nhất để suy ngẫm: cách đây gần tròn 3 năm, đến hết tháng 6/2008, lạm phát ở nước ta là 18,44% so với 31/12/2007 (sau 5 tháng là 15,96%) và 29% so cùng kỳ năm 2007. Mức cao nhất trong 15 năm kể từ năm 1993 (diễn biến lạm phát 6 tháng đầu năm 2008 lần lượt là: 2,38%; 3,56%; 2,99%; 2,2%; 3,91%; 2,14%). Các con số nói trên của 5 tháng đầu năm 2011 cao vọt lên sau 19,98% năm 2008; 6,88% năm 2009 và 11,75% năm 2010, tức là sau lạm phát tính dồn tích ba năm đã là 43,3% (tháng 12/2010 so với tháng 12/2007) và sau 5 tháng đầu năm 2011 đã cao ở mức 12,07% so với 31/12/2010 (trong đó lạm phát của các tháng sau so với tháng trước liền kề của 5 tháng đầu năm 2011 lần lượt là: 1,74%; 2,09%; 2,17%; 3,32%; 2,21%), hay 45% so với 31/12/2007 là vấn đề rất nổi cộm.

Nếu "đọc" theo cách so với tháng 5/2010, tức cùng kỳ thì CPI đến hết tháng 5/2011 đã là 19,78%, tức là bình quân 1,65%/tháng. So với lãi suất tiết kiệm bình quân cũng cùng thời gian 12 tháng, khoảng 1,18%/tháng, lãi suất thực đã âm.

Lạm phát với nội hàm cố hữu của nó là luôn gây những cú sốc tấn công vào mọi mặt của đời sống kinh tế - chính trị - xã hội của quốc gia. Lạm phát 5 tháng qua ở nước ta đã và đang là vấn đề vĩ mô nổi cộm, buộc Chính phủ phải ra tay chống đỡ. Thông thường phải dùng đến các bài thuốc đắt giá bằng việc phải phản ứng mạnh bằng chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa. Đương nhiên các vấn đề nổi cộm sẽ xuất hiện qua các hiện tượng mang tính qui luật như thanh khoản trong các ngân hàng bị cạn kiệt dần, lãi suất phải dâng cao, các kỳ vọng về tăng trưởng xấu đi, giá cả vốn đã cao lại bị khuyếch đại bởi các yếu tố tâm lý, tiền trong lưu thông luôn có xu hướng tìm nơi trú ẩn vào các vật mang giá trị có tính truyền thống như vàng, bạc, ngoại tệ, bất động sản, nguyên, vật liệu quí... có tính tích trữ, làm cho khắp các nẻo hàng hóa, dịch vụ đều tăng giá. Nghĩa là chỉ có sức mua của đồng nội tệ là xuống giá. Rất nhiều người tỏ ra "mừng" vì thấy lạm phát tháng 5 đã "giảm" xuống 2,21% so với tháng 4: 3,32%. Đó mới chỉ là tốc độ tăng chậm lại, chứ tuyệt nhiên chưa phải đã là giảm giá và càng chưa phải là sự giảm giá hàng hóa để trả lại giá trị sức mua của đồng tiền của người lao động so với đầu năm. Lạm phát lẽ ra phải có một cái trần bằng thép để ngăn sự cao lên kiểu cao lớn của cái cây tự nhiên, và/hoặc phải kiểm soát đồ thị tăng lạm phát như đồ thị đo độ cao của một cái cây

cảnh, theo đó phải chủ động không cho phép nó vượt qua một chiều cao kỳ vọng đủ thấp nào đó sau mỗi năm, một cách minh bạch, rành rọt bằng luật pháp. Nhưng tiếc thay, cái cây lạm phát của nước ta vẫn có vẻ được phát triển tự nhiên, thậm chí do cả khách quan và chủ quan, cái cây đó còn được "chăm bón" làm cho nó cao đến chóng mặt và trở thành vấn đề nổi cộm, nhức nhối. Sau 3 năm và 5 tháng qua, cái cây lạm phát ở nước ta đã cao tới 45%. Nếu khống chế lạm phát mục tiêu giống như của nhiều quốc gia (không cho phép lạm phát vượt quá 2,5%/năm) lạm phát của Việt Nam ở mức 8,5% là hợp lý.

Nguyên nhân cơ bản nằm ở đâu?

Thứ nhất, nền kinh tế đã có độ mở lớn nhưng nhập siêu cũng lớn: sau 5 tháng, theo Tổng cục Thống kê công bố ngày 25/5, tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước ước đạt 34,7 tỷ USD, tăng 32,8% so với cùng kỳ năm 2010; kim ngạch nhập khẩu cả nước ước đạt 41,3 tỷ USD, tăng 29,7% so cùng kỳ năm 2010. Như vậy, 5 tháng đầu năm 2011 nhập siêu tới 6,6 tỷ USD tương đương 19% kim ngạch xuất khẩu, nghĩa là thâm hụt thương mại 1,32 tỷ USD/tháng. Tình trạng này cùng với sự giảm giá trị đối ngoại của đồng nội tệ (tỷ giá tháng 5/2011 so với 31/5/2010 tăng 10,16%) thì nguy cơ lạm phát kép là hiện hữu: lạm phát từ bên trong và lạm phát nhập vào từ bên ngoài giống như cuối năm 2007 và 2008. Cần nhớ lại nền kinh tế đối ngoại của nước ta suốt hơn 20 năm qua (trừ năm 1992 có xuất siêu được vài chục triệu USD), liên tục là nền kinh tế nhập siêu, trong khi tỷ giá hầu như không đi xuống mà chỉ có xu hướng trườn ngang và đi lên theo chiều giảm giá trị đối ngoại của đồng nội tệ để "cứu" xuất khẩu, nhưng lại hóa ra chủ yếu làm đắt hơn hàng nhập trong nội địa, vì hơn 70% giá trị hàng xuất khẩu của nước ta là hàng gia công, lắp ráp có "ruột" và công nghệ nhập vào từ nước ngoài để gia công, lắp ráp và/hoặc "phù phép" rồi tái xuất. Do đó nhập siêu ở nước ta cùng với giảm giá đồng nội tệ luôn đồng nghĩa với nhập khẩu lạm phát và làm tăng nợ nước ngoài qui đổi. Những tháng qua do tăng cường kiểm soát tình trạng buông lỏng quản lý ngoại hối, đã có tác dụng kéo tỷ giá thị trường tự phát về sát thị trường chính thức, nhưng tính bền vững chưa được nhìn thấy rõ từ cơ cấu ngoại thương và cơ chế thị trường. Nếu có bất ổn xảy ra như triển vọng tăng trưởng xấu đi, thất nghiệp gia tăng và dòng vốn ngoại chảy ngược ra, đồng nội tệ sẽ lại mất giá mạnh do phải dốc sức mua ngoại tệ vào, khi đó sẽ tác động kìm hãm sự giảm tốc độ tăng lạm phát vì cho dù đã giảm tổng cầu để chống lạm phát, nhưng trong ngoại thương vẫn có xu hướng phải bỏ ra nhiều nội tệ hơn để có một đồng ngoại tệ. Vì vậy cần phải xem lại giá cả của một đồng ngoại tệ xuất khẩu, chứ quyết không thể để tình trạng xuất khẩu kiếm ngoại tệ với mọi giá và/hoặc nói chung không để tình trạng ngày càng phải có nhiều nội tệ hơn để sở hữu 1 đồng ngoại tệ.

Thứ hai, về những tác động từ bên ngoài: sau khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, nhiều quốc gia đã lâm vào cảnh nợ công dâng cao và thất nghiệp gia tăng, do nhiều năm liền đã sử dụng chính sách tiền tệ nới lỏng để kích hoạt cho nền kinh tế. Đặc biệt với nền kinh tế lớn nhất thế giới, khi Chính phủ Mỹ liên tục đổ tiền ra cùng với chính sách hạ thấp và duy trì lãi suất chủ chốt ở mức 0,25%/năm thì giá trị USD cũng liên tục "rơi" mạnh xuống so với các đồng tiền mạnh khác. Một biểu hiện cụ thể của cuộc chiến tiền tệ, gây hiệu ứng đến toàn cầu và tạo áp lực tăng giá vàng, giá bạc, giá dầu mỏ, giá hàng hóa tiêu dùng khác tính bằng USD (cứ 3 đồng đưa vào lưu thông thì có tới gần 2 đồng lưu thông ở ngoài lãnh thổ Mỹ). Nếu tiếp tục tăng nhập khẩu từ những nền kinh tế có đồng tiền xuống giá, nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam đã phải "nhập khẩu lạm phát" và/hoặc gây ách tắc xuất khẩu của thị trường nội địa.

Thứ ba, trong khi các tổ chức tín dụng thiếu vốn thì tiền lưu thông ngoài thị trường lại thừa

so với hàng hóa hợp thị hiếu làm cho phần lớn số tiền chỉ quay vòng ngoài ngân hàng và tập trung chủ yếu vào đầu tư bất động sản, mà thị trường này bị đóng băng với giá cao chơi vơi, trong khi lĩnh vực sản xuất lại thiếu tiền để mua nguyên vật liệu.

Thứ tư, tổng cầu thường xuyên, liên tục quá lớn so với tổng cung cũng là nguyên nhân cơ bản khiến gia tăng lạm phát. Từ nhiều năm nay, tổng cầu nền kinh tế nước ta đã quá lớn so với tổng cung được biểu hiện qua chỉ tiêu tổng đầu tư xã hội và tiêu dùng cuối cùng đã vượt so với giá trị sản xuất trong nước (GDP) từ 15-17% liên tục từ năm 2007 đến nay. Cùng với năng suất lao động quá thấp, nền kinh tế đã phải sử dụng bình quân tới 8 đồng đầu tư cho một đồng tăng trưởng, làm cho giá thành tăng quá cao, đẩy giá bán lên cao, hút tiền của xã hội. Lạm phát suy cho cùng là bức tranh phản ánh của sự mất cân đối giữa tổng cung và tổng cầu.

Giải pháp

Một là, về quan điểm chung đối với các nhà lập chính sách: phải kết hợp đồng bộ giữa một bên là các chính sách tiền tệ, tín dụng, tài khóa và tỉ giá một cách có điều kiện với một bên là chính sách cơ cấu lại ngành hàng, cơ cấu xuất - nhập khẩu theo hướng kích hoạt để tăng cường các ngành công nghiệp phụ trợ, công nghiệp liên doanh, công nghiệp nhận chuyển giao công nghệ... giảm bớt khu vực độc quyền FDI và/hoặc xóa bỏ cơ chế có tính "trải thảm đỏ" đối với khu vực FDI. Việc này sẽ nâng cao hiệu quả đầu tư của mọi thành phần kinh tế, giảm bớt sức ép của chính sách tiền tệ đến hoạt động của các ngân hàng thương mại (do thiếu vốn) và doanh nghiệp (do lãi suất đi vay quá cao), bảo đảm các doanh nghiệp có nguồn tín dụng thích hợp, kịp thời để mở rộng đầu tư khi có phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, làm cho việc chống lạm phát có hiệu quả nhưng không để ảnh hưởng nhiều đến tăng trưởng GDP và đảm bảo tạo việc làm cho xã hội. Câu trả lời ngắn gọn cho giải pháp này là sử dụng "nền kinh tế giá trị" để kích hoạt hợp lý cơ cấu sản xuất - phân phối của "nền kinh tế vật chất" sao cho tổng cầu có khả năng thanh toán phù hợp với tổng cung của nền kinh tế.

Hai là, thắt chặt tiền tệ có điều kiện: các biện pháp dành cho chính sách thắt chặt tiền tệ hiện nay cần phải được áp dụng một cách linh hoạt, theo hướng "thắt chặt từ nguồn" mà nới dần, thậm chí xóa bỏ các rào cản bằng mệnh

TẠP CHÍ Công nghệ ngân hàng

70C 1207 - 014SG
Bạn đọc không cần dán tem

PHIẾU ĐẶT BÁO DÀI HẠN

To: Tạp chí Công nghệ ngân hàng
36 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

lệnh hành chính đối với các qui luật tiền tệ, tín dụng ngoài thị trường để phát huy vai trò Ngân hàng Trung ương của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Theo đó, Ngân hàng Trung ương sử dụng quyền điều tiết tổng cầu nền kinh tế thông qua các kênh bơm, hút tiền bằng các công cụ và quyền lực riêng có của Ngân hàng Trung ương với tư cách là ngân hàng mẹ. Xuất phát từ nguyên lý căn bản và không thể biện minh là lạm phát bao giờ cũng có nguyên nhân tiền tệ, tức là có sự xuất hiện lạm phát khi và chỉ khi lượng tiền trong lưu thông tăng (bên cạnh một số nguyên nhân khác), do đó cần kiểm soát chặt chẽ lượng tiền trong lưu thông bằng cách: kiểm soát các hệ số tăng M2 và hệ số tăng tín dụng, từ đó NHNN cần chủ động, đồng thời có thông điệp rõ ràng về việc tăng các lãi suất điều tiết, gồm lãi suất chiết khấu, tái chiết khấu, công bố hạn chế mức tăng tín dụng thông qua hệ số điều tiết bằng các qui định điều chỉnh dự trữ bắt buộc, hệ số đảm bảo thanh khoản, mức trích lập dự phòng rủi ro, tăng cường hoạt động nghiệp vụ thị trường mở (OMO). Thậm chí ngoài các giấy tờ có giá theo thông lệ sử dụng làm hàng hóa trên OMO, NHNN cũng có thể dùng ngoại tệ như một loại giấy tờ có giá trên thị trường này để vừa can thiệp thị trường tiền đồng, vừa can thiệp tỷ giá... để vừa bảo đảm an toàn hệ thống đồng thời tạo sức ép tiết giảm chi phí, tạo môi trường để tự do hóa hoàn toàn các lãi suất đầu vào và đầu ra giữa tổ chức tín dụng với nền kinh tế. Đồng thời buộc mọi quan hệ tiền tệ (cả nội và ngoại tệ) của ngân sách nhà nước phải thông qua trung tâm tiền tệ quốc gia là NHNN. Về trung và dài hạn, cần chuyển toàn bộ mô hình NHNN trực thuộc Chính phủ như hiện nay sang mô hình Ngân hàng Trung ương độc lập Chính phủ - là kênh có đủ quyền lực về nghiệp vụ và vật chất để tác động vào tổng cầu của nền kinh tế mà hầu như không phải dùng mệnh lệnh hành chính, không phải ra lệnh "trần" hay "sàn" đối với mọi loại lãi suất thị trường.

Ba là, chính sách tài khóa: cần phải thực hiện từng bước kế hoạch giảm thâm hụt để tiến tới cân bằng ngân sách, vì đây cũng là một chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng. Thắt chặt chi tiêu của Chính phủ, gồm kiểm soát chặt chẽ đầu tư công và đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước, giảm mạnh chi phí hành chính trong các cơ quan nhà nước nhằm giảm bớt sức ép về cầu tiêu dùng Chính phủ. Với các dự án, cần loại bỏ những dự án đầu tư kém hiệu quả theo hướng nhà nước chỉ đầu tư vào những dự

TẠP CHÍ Công nghệ ngân hàng

Tôi đồng ý đặt mua Tạp chí Công nghệ Ngân hàng

☐ 6 kỳ (có số Xuân) (125.000đ) X ..... cuốn/kỳ
☐ 6 kỳ (không có số Xuân) (114.000đ) X ..... cuốn/kỳ
☐ 12 kỳ (239.000đ) X ..... cuốn/kỳ

Từ tháng:...../201.....đến tháng:...../201.....

PHÁT HÀNH MỖI THÁNG 1 KỲ

Họ tên :.....
Chức vụ :.....
Công ty :.....
Địa chỉ :.....
Điện thoại :.....
Email :.....

Ngày ..... tháng..... năm 200.....

HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ:

Cách 1: Đăng ký trực tiếp tại tòa soạn.
Cách 2: Bạn đọc điền đầy đủ thông tin vào phiếu đặt báo và gửi đến tòa soạn.
Tiền đăng ký vui lòng gửi đến tòa soạn qua:
- Đường bưu điện (dịch vụ chuyển tiền tại các bưu cục).
- Chuyển khoản.

CTK: Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
STK: 102010000080992
NH: Sở giao dịch II Ngân hàng Công thương TP.HCM

Cách 3: Đăng ký tại các bưu cục

án công trình hay ngành nghề mà người dân không làm được, doanh nghiệp không muốn tự làm và/hoặc dự án thuộc nhóm bí mật quốc gia.

Bốn là, sử dụng công cụ tỷ giá: nên điều chỉnh tăng nhẹ VND so với USD, bằng cách NHNN chưa vội mua vào USD và hoặc mua vào nhưng bán ra ngay, hoặc chuyển đổi ngoại tệ cho các địa chỉ thích hợp với giá ngang giá, thậm chí bù lỗ bằng nguồn bình ổn giá của Chính phủ hoặc nguồn từ quỹ nghiệp vụ của NHNN. Điều này cũng phù hợp với việc USD đang liên tục bị giảm giá so với các đồng tiền khác. Tăng nhẹ giá trị VND tuy có ảnh hưởng đến xuất khẩu nhưng không quá lớn. Tăng giá VND sẽ làm giá hàng nhập khẩu giảm, tăng nguồn cung có chọn lọc cho thị trường, có tác dụng giảm mức tăng giá trên thị trường nội địa, nhất là trong điều kiện nhập khẩu hiện chiếm tỉ lệ cao so với GDP của nước ta. Tăng giá VND hợp lý cũng góp phần bảo vệ sức mua đối nội của đồng nội tệ là nhiệm vụ chiến lược lâu dài của Ngân hàng Trung ương, đồng thời trước mắt sẽ kìm giữ được giá lương thực (chiếm trên 40% quyền số trong rổ hàng hóa tính CPI của nước ta) hiện đang tăng quá cao và có khả năng còn tiếp tục tăng trước nhu cầu của thị trường thế giới về nhóm hàng có thuộc tính phụ thuộc vào thời tiết này. Ngoài ra, tiếp theo các thành công của việc điều hành tỷ giá vừa qua, đây là thời điểm rất tốt để gắn việc điều hành tỷ giá trong khuôn khổ của chính sách quản lý ngoại hối của nhà nước theo lộ trình chống đô la hóa, giảm dần tiến tới giảm triệt để tín dụng ngoại tệ cũng như tín dụng vàng trong nước, sớm thống nhất một loại tỷ giá, khuyến khích phát triển thị trường ngoại tệ đa dạng, đa phương thức và điều hành tỷ giá theo nguyên tắc thả nổi có kiểm soát, tiến tới thả nổi có điều kiện, chuyển ngoại tệ về thị trường ngoại hối và tách chúng ra khỏi thị trường tín dụng.

Năm là, kiểm soát chặt chẽ và hạn chế sự phát triển tràn lan của khu vực FDI nhưng khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho doanh nghiệp Việt Nam đầu tư phát triển vào những ngành công nghiệp phụ trợ và đầu tư liên doanh với nước ngoài để nhanh chóng thâu tóm công nghệ, thúc đẩy tăng trưởng và tăng cường khả năng chuyển giao công nghệ trong tương lai để vừa chủ động chống lạm phát, vừa tránh bị sập bẫy thu nhập thấp và trung bình bởi lao động làm thuê, tay nghề thấp và công nghệ thứ cấp trong thị trường nội địa...

Tóm lại, việc chống lạm phát sau những tháng đầu năm 2011 cần được nhận dạng và đặt vào vị trí ưu tiên số 1 giống tình hình 6 tháng đầu năm 2008. Những nguyên nhân bên trong và bên ngoài đã gây áp lực và trên thực tế đã chuyển tải thành lạm phát ở mức rất đáng báo động: 12,07% sau 5 tháng và 45% sau liên tục 3,4 năm là tốc độ cao nhất so với các nước trong khu vực cùng có những nhân tố ngoại cảnh giống nước ta trong môi trường kinh tế mở, nhưng lạm phát của họ không cao bằng. Những phân tích và đề xuất trong bài này là sự tiếp nối quan điểm đổi mới cơ chế và thái độ chống lạm phát phải là mang tính chiến lược: chống lạm phát phải tác động vào tổng cung và tổng cầu theo nguyên tắc thị trường bằng cách nghiệp vụ hóa các chính sách (nhất là chính sách tiền tệ) và thể chế hóa chiến lược phát triển bền vững thông qua cơ cấu kinh tế hợp lý, tránh sập bẫy thu nhập trung bình. Nền kinh tế muốn phát triển bền vững và kiểm soát được lạm phát, rất cần được vận hành tôn trọng cơ chế thị trường để giảm thiểu việc ban hành quá nhiều các mệnh lệnh hành chính gây méo mó thị trường trong chống lạm phát và phát triển kinh tế ở nước ta■

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2011), Nghị quyết số 11/NQ-CP, ngày 24/2/2011 về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an sinh xã hội.

2. Nguyễn Đại Lai (2008), Chiến thắng lạm phát năm 2008 và đề xuất định hướng hoạt động Ngân hàng Việt Nam năm 2009, Tạp chí Công nghệ Ngân hàng số 4, tháng 2/2009.

3. Dương Ngọc (2011), Đà tăng CPI chậm lại, Thời báo Kinh tế Việt Nam số 124, ngày 25/5/2011.